

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

American Auditing

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 9
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Báo cáo của Ban Giám Đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội Đồng Quản Trị

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| - Bà Huỳnh Kim Thông | Chủ tịch hội đồng quản trị |
| - Bà Huỳnh Kim Tới | Thành viên hội đồng quản trị |
| - Ông Nguyễn Văn Đức | Thành viên hội đồng quản trị |

Ban Giám Đốc

- | | |
|------------------------|----------------|
| Ông Trần Hồng Văn | Tổng Giám Đốc |
| Ông Nguyễn Phúc Nguyễn | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm Soát

- | | |
|----------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân | Trưởng ban |
| - Bà Phạm Thị Hóa | Thành viên |
| - Bà Huỳnh Thị Thanh Giang | Thành viên |

Ngành nghề chính của Công ty

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Lợi ích của các thành viên Ban Giám Đốc

Không có thành viên Ban Giám Đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thoả thuận nào đó được lập bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, các công ty có liên quan đến ban giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của ban giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

Cam kết của Ban Giám Đốc

Chúng tôi khẳng định rằng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cam kết rằng, công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Báo cáo của Ban Giám Đốc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011

Chức danh Ban Giám Đốc



HUYỀN KIM THÔNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số : 20111602001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Kính gửi: - Ban Giám Đốc công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (sau đây gọi là Công ty) gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 15 tháng 2 năm 2011 và được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc và Kiểm Toán Viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám Đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán và quan trọng của Ban Giám Đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt của công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 và đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận liên quan đến khoản nợ phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Với tình hình thực tế tại công ty, chúng tôi cũng không thể cho ý kiến về các khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)

LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Phương Lan Anh

Giám đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0673/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75,112,751,648	78,796,679,853
Tiền & các khoản tương đương tiền	110		22,280,758,981	40,612,518,128
Tiền	111	V.01	22,280,758,981	40,612,518,128
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	8,131,500	5,715,500
Đầu tư ngắn hạn	121		11,382,145	8,966,145
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(3,250,645)	(3,250,645)
Các khoản phải thu	130		51,705,912,449	37,440,382,520
Phải thu của khách hàng	131	V.03	-	140,882,520
Trả trước cho người bán	132	V.03	-	92,395,000
Phải thu nội bộ	133	V.05	51,683,404,000	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.04	22,508,449	37,207,105,000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1,117,948,718	738,063,705
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	304,084,693	738,063,705
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	813,864,025	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,154,461,041	3,199,006,694
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		861,298,206	2,110,108,611
TSCĐ hữu hình	221	V.07	162,847,539	1,369,432,611
Nguyên giá	222		4,111,425,370	3,972,491,170
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3,948,577,831)	(2,603,058,559)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	V.08	481,130,667	740,676,000
Nguyên giá	228		812,316,000	812,316,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(331,185,333)	(71,640,000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	217,320,000	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

Nguyên giá	241	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
Đầu tư vào công ty con	251	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	-	-
Tài sản dài hạn khác	260	293,162,835	1,088,898,083
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10 137,499,987	936,024,083
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
Tài sản dài hạn khác	268	155,662,848	152,874,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	76,267,212,689	81,995,686,547

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		826,027,325	451,454,694
Nợ ngắn hạn	310		826,027,325	451,454,694
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	V.11	16,000,000	33,038,874
Người mua trả tiền trước	313	V.12	-	140,882,520
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	63,707,816	4,504,260
Phải trả công nhân viên	315		124,733,000	48,200,000
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.14	621,586,509	224,829,040
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75,441,185,364	81,544,231,853
Vốn chủ sở hữu	410	V.15	75,441,185,364	81,544,231,853
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		140,000,000,000	140,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(64,558,814,636)	(58,455,768,147)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		76,267,212,689	81,995,686,547

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	-	-
Trong đó:			
6.1- Chứng khoán giao dịch	007	-	-
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009	-	-
6.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012	-	-
6.2.1- CK tạm ngừng giao dịch thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014	-	-
6.2.3- CK tạm ngừng GD khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4- CK tạm ngừng GD của tổ chức khác	016	-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029	-	-
6.5.3. CK chờ thanh toán khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên I	033	-	-
6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng	034	-	-
6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng	035	-	-
6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1. CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3. CK chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4. CK chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thẻ	043	-	-
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của kh	044	-	-
6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của kh	045	-	-
6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ	046	-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

7. CK lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
Trong đó:			
7.1- Chứng khoán giao dịch	051	-	-
7.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	052		
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		
7.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
7.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	055		
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1- CK tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		
7.2.2- CK tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058		
7.2.3- CK tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059		
7.2.4- CK tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		
7.3- Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	062		
7.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	063		
7.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		
7.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	065		
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	067		
7.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	068		
7.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		
7.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	070		
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		
7.5.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		
7.5.3. CK chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		
7.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	075		
7.6- Chứng khoán phong toả chờ rút	076	-	-
7.6.1. CK phong toả chờ rút của thành viên lưu ký	077		
7.6.2. CK phong toả chờ rút của KH trong nước	078		
7.6.3. CK phong toả chờ rút của KH nước ngoài	079		
7.6.4. CK phong toả chờ rút của tổ chức khác	080		
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	084	-	-



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011

HUYNH KIM THÔNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

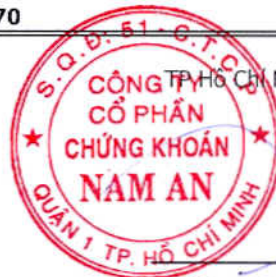
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01		495,042,387	1,513,910,516
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			207,866,702	407,822,346
- Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn			3,275,400	2,255,989,844
- Doanh thu hoạt động tư vấn			500,000	20,000,000
- Doanh thu khác			283,400,285	4,260,794,724
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		495,042,387	1,513,910,516
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1,826,794,900	1,845,508,885
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		(1,331,752,513)	(331,598,369)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,770,873,581	4,659,215,975
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(6,102,626,094)	(4,990,814,344)
8. Thu nhập khác	31		72,520	5,748,735,395
9. Chi phí khác	32		492,915	1,282,992,436
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(420,395)	4,465,742,959
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(6,103,046,489)	(525,071,385)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		(6,103,046,489)	(525,071,385)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011

HUỲNH KIM THÔNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(6,103,046,489)	(525,071,385)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,605,064,605	1,440,707,912
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	4,870,192,969
- Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4,497,981,884)	5,785,829,496
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14,265,529,929)	(36,186,518,269)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		374,572,631	(1,182,775,547)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1,229,714,260	1,747,443,845
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(813,864,025)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2,721,201,634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,973,088,947)	(27,114,818,841)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(356,254,200)	(617,446,000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	404,450,010
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,416,000)	(4,180,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	67,063,844,000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(358,670,200)	66,846,668,010
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18,331,759,147)	39,731,849,169

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(18,331,759,147)	39,731,849,169
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40,612,518,128	880,668,959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22,280,758,981	40,612,518,128

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011

**NGUYỄN PHÚC NGUYÊN**
Kế toán trưởng**HUYNH KIM THÔNG**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, đi vào hoạt động theo Giấy phép thành lập số 79/UBCK-GP ngày 18 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh số 272/UBCK-GP ngày 04 tháng 11 năm 2009 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: 39 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư bao gồm:

- Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002630 do Sở KH&ĐT Tp. HCM cấp ngày 3/9/2004.

- Ông Trần Hồng Văn - Chứng minh nhân dân số 022949762 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8/3/2006.

2. Hoạt động kinh doanh:

a. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán

b. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán

- Tự doanh chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Vốn điều lệ 140,000,000,000 VND

Vốn pháp định: 135,000,000,000 VND

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006; Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán.

2. Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam qui định.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không qua 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kỳ kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

b. TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm kế toán, Smartconnect và chi phí thiết kế trang web Nam An.

Thời gian khấu hao là 03 - 05 năm.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác;

a. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

b. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: chủ yếu là chi phí lãi vay, lương nhân viên, thuê văn phòng, chi phí thành lập doanh nghiệp, đồ dùng văn phòng được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Chi phí khác

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Phương pháp ghi nhận: khoản dự phòng phải trả được lập thêm(hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn(hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả phải lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn(hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối

kế toán là số lợi nhuận(lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế

TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước ;

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ công ty.

9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỉ giá do thanh toán các khoản nợ phải thu, phải trả, chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại số dư cuối niên độ từ các tài khoản có liên quan.

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	21,182,291,771	40,258,644,546
Tiền gửi ngân hàng	1,098,467,210	353,873,582
- Tài khoản VND	1,098,467,210	353,873,582
BIDV - Ngân hàng đầu tư và phát triển TK thanh toán	1,580,240	13,648,775
BIDV - Tài khoản tự doanh	437,777	2,122,445
BIDV - TK nhận cổ tức và lãi, vốn gốc trái phiếu	3,749,571	4,456,905
Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt nam	1,425,463	1,384,928
Vietcombank - HCM	2,670,559	6,105,141
Ngân hàng TMCP Đông Á	5,412,696	5,585,424
Ngân Hàng STANDARD CHARTERED - TKTG Kỳ hạn	5,208,785	5,208,785

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

<i>Ngân hàng Sacombank</i>	411,748	411,748
<i>Ngân hàng An Bình</i>	1,950,130	3,161,433
<i>Ngân hàng Á Châu (ACB)</i>	1,195,831	
<i>Ngân Hàng Việt á</i>	3,269,246	126,791,601
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư</i>	1,071,155,164	184,996,397
Tổng cộng	22,280,758,981	40,612,518,128

2. Tình hình đầu tư tài chính

CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU NĂM		SỐ CUỐI NĂM	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		11,382,145	177	8,966,145
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn				
- Đầu tư ngắn hạn khác				
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3,250,645)		
GIÁ TRỊ THUẦN	-	8,131,500	177	8,966,145

3. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng	-	140,882,520
Trần Đoàn Anh Tuấn	-	140,882,520
b. Trả trước cho nhà cung cấp	-	92,395,000
Công ty TNHH Lê Tùng (OBS)	-	92,395,000
Tổng cộng	-	233,277,520

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Huỳnh Thị Thanh Giang	-	6,813,869,000
Huỳnh Thanh Huy	-	5,628,377,000
Huỳnh Công Minh	-	6,904,143,000
Vũ Huy Nhân	-	6,378,828,000
Nguyễn Văn Đức	-	5,628,377,000
Phạm Thị Hóa	-	5,853,511,000
Phải thu khác	22,508,449	-
Tổng cộng	22,508,449	37,207,105,000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	22,508,449	37,207,105,000

5. Phải thu nội bộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Huỳnh Thị Thanh Giang	66,000	-
Huỳnh Thanh Huy	5,628,377,000	-
Phạm Thị Hóa	5,853,511,000	-
Huỳnh Kim Thông	40,201,450,000	-
Tổng cộng	51,683,404,000	-

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	41,706,719	140,244,286
Thiết bị đường truyền	-	80,463,364
Chi phí sửa chữa văn phòng	262,377,974	517,356,055
Tài sản ngắn hạn khác	813,864,025	-
	1,117,948,718	738,063,705

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu kỳ 01/01/2010	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2010
Nhà cửa	-	-	-	-
Máy móc thiết bị	3,589,426,144	341,427,028	-	3,930,853,172
Phương tiện vận tải	-	-	-	-
Thiết bị quản lý	383,065,026	-	202,492,828	180,572,198
Khác	-	-	-	-
Tổng	3,972,491,170	341,427,028	202,492,828	4,111,425,370

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa			-	-
Máy móc thiết bị	2,443,215,017	1,329,683,706	-	3,772,898,723
Phương tiện vận tải	-	-	-	-
Thiết bị quản lý	159,843,542	60,190,732	44,355,166	175,679,108
Tổng	2,603,058,559	1,389,874,438	44,355,166	3,948,577,831

Giá trị còn lại

Máy móc thiết bị	1,146,211,127			157,954,449
Phương tiện vận tải	-			-
Thiết bị quản lý	223,221,484			4,893,090
Tổng	1,369,432,611			162,847,539

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**Chi tiêu**

	Web Nam An Phần mềm ứng dụng		Tổng Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	84,200,000	728,116,000	812,316,000
Tăng trong kỳ		-	-
Giảm trong kỳ		-	-
Số dư cuối kỳ	84,200,000	728,116,000	812,316,000
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	22,453,333	49,186,667	71,640,000
Tăng trong kỳ	16,840,000	242,705,333	242,705,333
Giảm trong kỳ		-	-
Số dư cuối kỳ	39,293,333	291,892,000	331,185,333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	61,746,667	678,929,333	740,676,000
Số cuối kỳ	44,906,667	436,224,000	481,130,667

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
+ Chi phí mua phần mềm giao dịch	217,320,000	-
Tổng cộng	<u>217,320,000</u>	<u>-</u>

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào	
			chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí lãi vay	33,033,661	-	33,033,661	-
Chi phí lương nhân viên	370,621,528	-	370,621,528	-
Chi phí thuê văn phòng	268,421,752	-	268,421,752	-
Chi công tác phí	4,883,669	-	4,883,669	-
Chi phí thành lập	259,063,473	-	259,063,473	-
Phí kết nối GDDT lần đầu	-	150,000,000	12,500,000	137,500,000
Cộng	<u>936,024,083</u>	<u>150,000,000</u>	<u>948,524,083</u>	<u>137,500,000</u>

11. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH XD TM An Phúc An	16,000,000	33,038,874
Tổng cộng	<u>16,000,000</u>	<u>33,038,874</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trần Đoàn Anh Tuấn	-	140,882,520
Tổng cộng	<u>-</u>	<u>140,882,520</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	63,707,816	4,504,260
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	<u>63,707,816</u>	<u>4,504,260</u>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức Công ty CP Bông Sen phải trả nhà đầu tư	44,359,920	42,963,200
Thanh toán bù trừ chứng khoán	577,226,589	181,865,840
Tổng cộng	<u>621,586,509</u>	<u>224,829,040</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**15. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	140,000,000,000	(57,930,696,762)
Tăng vốn trong năm trước	-	-
Lợi nhuận giảm trong năm trước	-	(525,071,385)
Số dư cuối năm trước	140,000,000,000	(58,455,768,147)
Số dư đầu năm nay	140,000,000,000	(58,455,768,147)
Điều chỉnh tăng vốn góp	-	-
Lợi nhuận tăng trong giai đoạn 01/01/2010 đến 31/12/2010	-	(6,103,046,489)
Số dư cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2010	140,000,000,000	(64,558,814,636)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	495,042,387	1,513,910,516
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	207,866,702	50,863,999
Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu đầu tư chứng khoán	3,275,400	197,336,875
Thu lãi tiền gửi	54,377,895	1,078,716,871
Doanh thu quản lý số cổ đông	229,022,390	186,992,771
Doanh thu hoạt động tư vấn	500,000	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Doanh thu thuần	495,042,387	1,513,910,516
------------------------	--------------------	----------------------

3. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động kinh doanh	1,826,794,900	1,845,508,885
Tổng cộng	1,826,794,900	1,845,508,885

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,101,827,511	776,333,294
Chi phí thuế, phí lệ phí	80,151,173	8,496,869
Chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ	308,946,173	366,491,218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	945,380,098	3,507,894,594
Chi phí bằng tiền khác	2,334,568,626	-
Tổng cộng	4,770,873,581	4,659,215,975

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản	-	847,880,239
Thu nhập khác	72,520	4,900,855,156
Tổng cộng	72,520	5,748,735,395

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAM AN

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lỗ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	1,252,330,249
Chi phí khác	492,915	30,662,187
Tổng cộng	492,915	1,282,992,436

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế.	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	1.51%	3.90%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	98.49%	96.10%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	1.08%	0.55%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	98.92%	99.45%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	92.33	181.63
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	90.93	174.54
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	26.97	89.96



NGUYỄN PHÚC NGUYỄN
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2011



HUỲNH KIM THÔNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị